|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II**  **Tổ Văn- Sử** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN: NGỮ VĂN 9** |

**Phần I: Văn bản**

**(**1) Chuyện người con gái Nam Xương – Nguyễn Dữ

(2) Hoàng Lê nhất thống chí – Ngô gia văn phái

(3) Chị em Thúy Kiều – Nguyễn Du

(4) Kiều ở lầu Ngưng Bích – Nguyễn Du

(5) Một số văn bản ngoài chương trình

**Yêu cầu:**

**1. Nắm chắc những nét chính về cuộc đời sự nghiệp của tác giả, hoàn cảnh sáng tác văn bản.**

**2. Nắm được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các văn bản.**

**2.1. “Chuyện người con gái Nam Xương” – Nguyễn Dữ**

**a. *Giá trị nội dung***

- Giá trị hiện thực:

+ Tố cáo xã hội phong kiến nam quyền, bất công.

+ Chiến tranh phi nghĩa loạn lạc đã chia cắt gia đình gây nên bi kịch cho người dân.

- Giá trị nhân đạo:

+ Khẳng định vẻ đẹp truyền thống và phẩm chất của người phụ nữ VN.

+ Thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

***b. Giá trị nghệ thuật***

- Xây dựng nhân vật:

+ Ngôn ngữ đối thoại, lời tự bạch làm nổi bật tâm lí và tính cách nhân vật.

+ Nhân vật mang tính điển hình

- Xây dựng tình huống:

+ Trên cơ sở tình huống có sẵn, tác giả đã thêm bớt diễn biến => tình huống tăng tính bi kịch.

+ Ý nghĩa của chi tiết “cái bóng” – chi tiết mở nút, thắt nút.

+ Vận dụng những yếu tố tưởng tượng kì ảo có tác dụng đặc sắc.

**2.2. “Hoàng Lê nhất thống chí” – Ngô gia văn phái**

**a. *Giá trị nội dung***

- Hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh.

- Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

***b. Giá trị nghệ thuật***

- Lối văn trần thuật, miêu tả rất sinh động; khắc họa đậm nét nhân vật.

**2.3. “Chị em Thúy Kiều” – Nguyễn Du**

**a. *Giá trị nội dung***

- Chân dung hai chị em – những tuyệt thế giai nhân, mỗi người một vẻ tạo nên bức tranh hài hoà trong sự tương phản.

- Ca ngợi vẻ đẹp con người, kín đáo thể hiện những dự cảm về số phận con người.

=> Cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác phẩm.

***b. Giá trị nghệ thuật***

- Thủ pháp cổ điển: ước lệ, tượng trưng.

- Ngôn ngữ biểu cảm, giàu hình ảnh và sức gợi.

- Xây dựng nhân vật tinh tế.

**2.4. “Kiều ở lầu Ngưng Bích” – Nguyễn Du**

**a. *Giá trị nội dung***

- Cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

***b. Giá trị nghệ thuật***

- Miêu tả nội tâm nhân vật

- Tả cảnh ngụ tình

**3. Dựa vào kiến thức đã học, học sinh vận dụng viết đoạn văn về các vấn đề sau:**

a. Vũ Nương là người phụ nữ đức hạnh nhưng bất hạnh qua văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương.*

b. Hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí.*

c. Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều qua văn bản *Chị em Thúy Kiều.*

**Phần II: Tiếng Việt**

**1. Các phương châm hội thoại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên**  **phương châm** | **Kiến thức** | **Ví dụ** |
| **Phương châm về lượng** | Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung. Nội dung lời nói phải đúng như yêu cầu của giao tiếp, ***không thiếu, không thừa***. | Việt Nam có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp. (Vi phạm phương châm về lượng, thừa từ *đẹp*. Vì danh lam có nghĩa là cảnh đẹp) |
| **Phương châm về chất** | Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình ***không tin là đúng*** hay ***không có bằng chứng xác thực.*** | - “Ăn đơm, nói đặt”: Vu khống, đặt điều, bịa chuyện.  - “Ăn ốc nói mò”: Nói không có căn cứ |
| **Phương châm quan hệ** | Khi giao tiếp, cần ***nói đúng vào đề tài giao tiếp***, tranh nói lạc đề. | “Ông nói gà bà nói vịt” (nói không đúng đề tài giao tiếp, mỗi người nói một nẻo) |
| **Phương châm cách thức** | Khi giao tiếp, cần chú ý ***nói ngắn gọn, rành mạch***tránh nói mơ hồ. | - Ăn nên đọi nói nên lời (Khuyên nói năng rành mạch, rõ ràng).  - Dây cà ra dây muống (Nói năng dài dòng, rườm rà.)  - Lúng búng như ngậm hạt thị (Nói ấp úng không thành lời.) |
| **Phương châm lịch sự** | Khi giao tiếp, cần ***tế nhị*** và ***tôn trọng*** người khác. | Hỏi tên rằng: Mã Giám Sinh  Hỏi quê rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần  -> Vi phạm PCLS: nói năng cộc lốc. |
| **Lưu ý:**  ***(1)*** Phương châm ***chi phối nội dung*** trong hội thoại: lượng, chất, quan hệ, cách thức. Phương châm ***chi phối quan hệ giữa các cá nhân***: lịch sự  ***(2) Quan hệ giữa các phương châm hội thoại:*** Để tuân thủ các phương châm trong hội thoại, người nói phải nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói nhằm mục đích gì?)  ***(3) Nguyên nhân vi phạm phương châm hội thoại:***  - Người nói vô ý, vụng về thiếu văn hóa trong giao tiếp. (VD: Anh làm rể hỏi thăm người trèo cây...)  - Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn. (VD: Bác sĩ nói dối với bệnh nhân về tình trạng sức khoẻ).  - Người nói muốn gây một sự chú ý, hướng người nghe hiểu theo một ý nghĩa hàm ẩn nào đó. (VD: Câu nói: “Tiền bạc chỉ là tiền bạc” vi phạm phương châm về lượng để buộc người nghe phải hiểu câu nói theo một nghĩa khác). | | |

**2. Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp**

***a. Cách dẫn trực tiếp:***

- Nhắc lại nguyên văn lời nói, suy nghĩ của người hoặc nhân vật; đặt trong dấu ngoặc kép và sau dấu hai chấm.

***b. Cách dẫn gián tiếp:***

- Thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người khác hay nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp.

***c. Cách chuyển từ dẫn trực tiếp sang dẫn gián tiếp:***

- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép

- Thay đổi từ xưng hô cho thích hợp.

- Lược bỏ các tình thái từ.

- Có thể thêm từ *rằng* hoặctừ *là* trước lời dẫn.

**Ví dụ:** Cô giáo dặn cả lớp mình: “Sắp đến đợt kiểm tra giữa kì, ***các em*** cần chăm học hơn nữa”.

* Cô giáo dặn cả lớp mình ***là*** sắp đến đợt kiểm tra giữa kì, ***chúng mình*** cần chăm học hơn nữa.

***Vận dụng viết đoạn văn có sử dụng cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp.***

**Phần III: Tập làm văn: Văn thuyết minh**

**1. Lý thuyết: Ôn tập văn thuyết minh**

- Các phương pháp thuyết minh đã học.

- Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

- Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**2. Thực hành:**

Các kĩ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, viết bài mà em đã học, đặc biệt là ***kĩ năng đưa các biện pháp nghệ thuật và miêu tả vào bài văn thuyết minh***.

**Đề 1: Thuyết minh về một loài cây.**

Gợi ý:

1. *Mở bài:* Giới thiệu loài cây sẽ thuyết minh.

2. *Thân bài:* Cần thuyết minh về:

- Nguồn gốc/ Nơi phân bố

- Đặc điểm cấu tạo

- Phân loại

- Giá trị của loài cây đó (giá trị sử dụng, giá trị tinh thần)

*3. Kết bài:* Khẳng định lại vai trò của loài cây đó trong đời sống người Việt.

***Ví dụ: Cây dừa trong đời sống người Việt.***

1. Mở bài

- Không biết từ bao giờ mà cây dừa đã đi vào thơ ca rất đỗi thân thuộc và trìu mến, cây dừa là một loại cây rất quen thuộc và ý nghĩa đối với cuộc sống của người dân.

- Cây dừa gắn bó thủy chung son sắt với con người.

2. Thân bài

*a. Nơi phân bố*

- Trên thế giới: Dừa thường phân bố ở vùng châu Á, Thái Bình Dương.

- Ở Việt Nam: Dừa thường tập trung từ Quảng Ngãi đến Cà Mau nhưng nhiều nhất là ở Bình Định và Bến Tre.

*b. Đặc điểm*

- Khả năng sinh sống:

+ Thường sống ở khí hậu nhiệt đới.

+ Phát triển trên đất pha cát và có khả năng chống chịu tốt.

+ Dừa cần độ ẩm cao (70 - 80%) để có thể phát triển một cách tối ưu.

- Cấu tạo:

+ Thân dừa: Cây dừa cao khỏe, có màu nâu sậm, hình trụ và có những nốt vằn trên thân.

+ Lá: Lá dài, xanh và có nhiều tàu.

+ Hoa: Trắng và nhỏ.

+ Quả: Phát triển từ hoa, bên ngoài màu xanh dày, bên trong có cùi và nước.

+ Buồng dừa: Chứa các quả dừa, mỗi buồng thường có khoảng mười lăm quả.

*c. Phân loại*

- Dừa xiêm: Loại dừa này trái thường nhỏ, có màu xanh, nước dừa rất ngọt, thường dùng để uống.

- Dừa nếp: Quả vàng xanh mơn mởn.

- Dừa lửa: Lá đỏ, quả vàng hồng.

- Dừa dứa: Quả nhỏ, màu xanh, nước ngọt, vì thơm mùi dứa nên gọi là dừa dứa.

- Dừa sáp: Cùi dừa vừa xốp, vừa mềm mại lại dẻo như bột đã được nhào sệt, đồng thời lại có màu vàng đục như sáp, chỉ có ở vùng Cầu Kè (Trà Vinh).

*d. Giá trị sử dụng:*

- Nước dừa: Thường được dùng làm nước uống, kho cá, nước chấm…

- Cùi dừa: làm kẹo, mứt hay làm nước cốt dừa...

- Dầu dừa: nấu ăn, dưỡng tóc, dưỡng da…

- Xơ dừa: dùng làm dây thừng...

- Thân dừa: làm cột nhà, làm cầu bắc qua sông…

- Hoa dừa: dùng để trang trí...

- Gáo dừa: dùng để nấu ăn hay vật dụng trong gia đình….

- Rễ dừa có thể dùng làm thuốc nhuộm, thuốc sát trùng để súc miệng…

- Làm đồ thủ công mỹ nghệ.

3. Kết bài

Dừa là một người bạn rất hữu ích với người dân quê Việt Nam. Dừa rất có ích cho cuộc sống và tinh thần của người dân.

**Đề 2: Thuyết minh về một loài vật.**

1. *Mở bài:* Giới thiệu loài vật sẽ thuyết minh.

2. *Thân bài:* Cần thuyết minh về:

- Nguồn gốc

- Tập tính

- Đặc điểm cấu tạo

- Chủng loại

- Giá trị của loài vật đó (giá trị sử dụng, giá trị tinh thần)

*3. Kết bài:* Khẳng định lại vai trò của loài vật đó trong đời sống người Việt; nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

***Ví dụ: Con trâu trong đời sống người Việt.***

1. Mở bài

- Giới thiệu về con trâu

- Con trâu mang lại nhiều giá trị với người nông dân và với nền nông nghiệp lúa nước Việt Nam.

2. Thân bài

*a. Nguồn gốc*

- Tiến hóa từ trâu rừng, được người dân thuần chủng trở thành trâu như ngày nay.

- Theo truyện dân gian, trâu từng là vị thần trên trời do vô tình gây nên nạn đói nhân gian bị Thượng Đế phạt làm trâu.

*b. Tập tính*

- Trâu thường sống theo bầy đàn, thích đến các nơi đầm lầy, ao bùn.

- Khi ăn, chúng có thói quen nhai lại thức ăn.

*c. Chủng loại*

- Trâu mới sinh được gọi là nghé, chưa có sừng. Nghé phát triển khá nhanh, sau 2 tuần sinh nghé có thể đứng, đi chập chững, sừng bắt đầu nhú. Khoảng 2 – 3 tháng, nghé bước vào giai đoạn trâu trưởng thành và dần hoàn thiện các bộ phận trâu.

- Trâu Việt Nam phổ biến với hai loại trâu: Trâu trắng và trâu đen được phân loại dựa vào màu sắc lông. Trâu trắng: Bộ lông màu trắng, biểu tượng sự may mắn. Trâu đen: phổ biến nhất tại Việt Nam, lông màu đen

*d. Đặc điểm cấu tạo*

- Thân hình trâu chắc nịch, khỏe khoắn.

- Trên đầu có cặp sừng cong, dài và phát triển hơn so với bò.

- Lông trâu ngắn, có màu trắng hoặc xám đen.

- Da trâu cứng cáp.

- Bốn chân thấp, guốc chẵn

- Đuôi dài linh hoạt, phe phẩy đuổi ruồi muỗi.

- Trâu không có hàm trên.

- Sữa trâu lỏng, chứa ít dinh dưỡng

*e. Giá trị*

- Giá trị sử dụng: + Trâu ra đồng với người nông dân.

+ Trâu chở đồ, kéo xe.

+ Thịt trâu mang lại nguồn lợi kinh tế.

+ Da trâu làm đồ thời trang, mỹ nghệ

- Giá trị tinh thần:

+ Trâu là người bạn gần gũi, thân thuộc với người nông dân, là người đồng hành cùng trải qua những nắng mưa, vất vả, những trưa hè nắng gắt bên cánh đồng.

+ Các lễ hội chọi trâu Đồ Sơn là nét văn hóa đẹp của người dân bản địa.

+ Trâu trở thành biểu tượng thế vận hội Seagame lần thứ 22.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vai trò của con trâu trong đời sống người nông dân ở làng quê Việt Nam.

- Nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân.